

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 23-11-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Bà Trần Ngọc Ánh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 390/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2022/QĐXX-ST ngày 05 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2022/QĐST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1991 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kim H, sinh năm 1990

Địa chỉ: Ấp H, xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

(Vắng mặt không lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Vào năm 2014, anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H quen biết và tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-12-2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do chị H không chăm lo làm ăn, thường xuyên dẫn theo con bỏ nhà đi một vài tháng rồi lại về, anh Đ đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Hiện nay anh Đ không còn tình cảm với chị H nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Kim H.

Về con chung: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H có 02 con chung tên Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 28-8-2015 và Trần Hoàng Tr, sinh ngày 19-7-2019, hiện nay đang sống chung với chị H. Anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Trần Văn Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn chị Nguyễn Kim H:* Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa chị H vắng mặt.

*\* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn anh Trần Văn Đ đối với bị đơn chị Nguyễn Kim H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Chị Nguyễn Kim H chưa có ý kiến xác nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Trần Văn Đ, Tòa án đã làm đầy đủ thủ tục theo quy

định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H chung sống với nhau vào năm 2014 trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã Th, huyện C, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15-12-2014, đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn Đ*: Vợ chồng anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm, chăm sóc và giúp đỡ nhau nữa, thể hiện qua lời trình bày của anh Đ tại Tòa án: Anh Đ và chị H có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày nên thường xuyên cãi nhau. Mặt khác, do chị H không chăm lo làm ăn, thường xuyên dẫn theo con bỏ nhà đi một vài tháng rồi lại về, anh Đ đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Anh Đ xác nhận hiện nay anh không còn tình cảm với chị H nữa, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay mà tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Tòa án xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh Đ xin ly hôn với chị H là có căn cứ để chấp nhận.

[4] *Về nuôi con chung*: Anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H có 02 con chung tên Trần Ngọc Quỳnh Trâm, sinh ngày 28-8-2015 và Trần Hoàng Triệu, sinh ngày 19-7-2019, hiện nay các con đang sống chung với chị H. Anh Đ đồng ý giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét thấy, từ thời gian anh Đ và chị H sống ly thân cho đến nay, cháu T và cháu Tr vẫn do một mình chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu T và cháu Tr cho chị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Nguyễn Kim H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không tiến hành hòa giải việc cấp dưỡng nuôi con giữa anh Đ và chị H được. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh Đ tự nguyện cấp dưỡng cho hai con hàng tháng mỗi con 500.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị H đúng theo quy định pháp luật nhưng chị H vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải, đối chất về tài sản chung và nợ chung giữa anh Đ và chị H được. Mặt khác, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa anh Đ xác nhận trong thời gian chung sống cùng chị H, anh chị không tạo lập được tài sản gì

và cũng không có nợ ai. Cho nên về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[8] *Về án phí*: Anh Trần Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án, do đó anh phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án và tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa anh Đ tự cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ phải chịu án phí cấp dưỡng với số tiền là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các điều 28, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Trần Văn Đ và chị Nguyễn Kim H.
2. Về nuôi con chung: Giao cháu Trần Ngọc Quỳnh T, sinh ngày 28-8-2015 và cháu Trần Hoàng Tr, sinh ngày 19-7-2019 cho chị Nguyễn Kim H trực tiếp nuôi dưỡng.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của anh Trần Văn Đ đối với cháu Trần Ngọc Quỳnh T và cháu Trần Hoàng Tr, hàng tháng mỗi cháu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm (23-11-2022) cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Hai bên giao nhận tiền cấp dưỡng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang hoặc trực tiếp giao nhận.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Đ không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng như trên thì anh Đ còn phải trả cho chị H khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Anh Trần Văn Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**5. Về án phí:** Anh Trần Văn Đ phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ngoài ra, anh Đ còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng. Tổng cộng tiền án phí anh Đ phải nộp là 600.000 đồng nhưng anh Đ được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009588 ngày 27-7-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, anh Đ còn phải nộp thêm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

**6. Quyền kháng cáo:** Anh Trần Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Kim H vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Xuân**



